## **Đặc tả phụ trợ**

1. **Mục tiêu:**

Mục đích của tài liệu này là xác định các yêu cầu của website học từ vựng. Đặc tả bổ sung này liệt kê các yêu cầu không gặp trong các trường hợp của ca sử dụng. Các thông số kĩ thuật bổ sung và mô hình ca sử dụng cùng nhau nắm bắt một tập hợp đầy đủ các yêu cầu trên hệ thống này.

1. **Phạm vi:**

Thông số kĩ thuật này xác định các yêu cầu phi chức năng của hệ thống; chẳng hạn như độ tin cậy, khả năng sử dụng, hiệu suất và khả năng hỗ trợ, cũng như các yêu cầu chức năng phổ biến trong một số trường hợp sử dụng. (Các yêu cầu chức năng được xác định trong Thông số kĩ thuật ca sử dụng).

1. **Chức năng:**

Chương trình học từ vựng tiếng anh cung cấp các chức năng sau:

* Học từ vựng
* Ôn tập từ đã học
* Kiểm tra

1. **Tính khả dụng:**

Giao diện người dùng máy tính.

## **Phân tích thiết kế hệ thống**

* *Xác định các Actor và Use Case*
* Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Học Viên | Học viên – sử dụng hệ thống |
| 2 | Admin | Quản lý hệ thống |

* Danh sách các UseCase

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Đăng ký tài khoản | Mô tả chức năng đăng ký khi học viên chưa có tài khoản |
| 2 | Đăng nhập | Mô tả chức năng đăng nhập khi học viên đăng ký tài khoản thành công |
| 2 | Học từ vựng | Mô tả chức năng học từ vựng |
| 3 | Ôn tập | Mô tả chức năng ôn tập từ vựng đã học |
| 4 | Kiểm tra | Mô tả chức năng kiểm tra kiến thức đã học |
| 5 | Quản lý | Mô tả chức năng quản lý chương trình |

Biểu đồ Usecase tổng quát

A close up of a map

Description automatically generated

*Biểu đồ usecase tổng quát*

* Đặc tả các ca sử dụng
* ***Ca sử dụng đăng ký***

|  |  |
| --- | --- |
| Tên ca sử dụng: **đăng ký** | ID: 1 |
| Tác nhân: Học viên | |
| Mục đích: Cho phép người dùng đăng ký tài khoản mới khi lần đầu vào hệ thống | |
| Luồng sự kiện chính:   1. Học viên vào hệ thống chọn đăng ký tài khoản 2. Hệ thống hiển thị màn hình đăng ký 3. Học viên nhập các thông tin cần thiết vào form đăng ký và ấn nút đăng ký 4. Hệ thống tạo tài khoản mới cho người dùng lưu vào cơ sở dữ liệu | |
| Luồng sự kiện rẽ nhánh:   * Nếu tên đăng nhập đã tồn tại thì hệ thống đưa ra thông báo và đưa ra thông báo cho người dùng lựa chọn tên đăng nhập khác | |
| Tiền điều kiện: Không | |
| Hậu điều kiện: Nếu việc đăng ký thành công học viên có thể đăng nhập hệ thống và bắt đầu học | |

* ***Ca sử dụng đăng nhập***

|  |  |
| --- | --- |
| Tên ca sử dụng: **đăng nhập** | ID: 2 |
| Tác nhân: Học viên,Admin | |
| Mục đích: Mô tả cách admin và học viên đăng nhập vào hệ thống | |
| Luồng sự kiện chính:   1. Ca sử dụng bắt đầu khi admin, học viên đăng nhập vào hệ thống 2. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin mà người quản trị hệ thống nhập vào. Nếu thông tin nhập vào không hợp lệ thực hiện luồng A1. 3. Hệ thống ghi lại quá trình đăng nhập | |
| Luồng sự kiện rẽ nhánh:  Luồng A1: Thông tin đưa vào không hợp lệ.   * Hệ thống thông báo cho người dùng biết thông tin đó không hợp lệ. * Yêu cầu người dùng nhập lại | |
| Tiền điều kiện: Không | |
| Hậu điều kiện: Nếu việc đăng nhập thành công, admin có thể thực hiện được các thao tác quản lý với hệ thống. Học viên có thể bắt đầu học trên hệ thống | |

* ***Ca sử dụng học từ vựng***

|  |  |
| --- | --- |
| Tên ca sử dụng: **học từ vựng** | ID: 3 |
| Tác nhân: Học viên | |
| Mục đích: cho phép học viên học từ vựng thông qua việc lật card, xem nghĩa của từ và nghe âm thanh của từ. | |
| Luồng sự kiện chính:   1. Ca sử dụng bắt đầu khi học viên tương tác với hệ thống , chọn chức năng học từ vựng | |
| Luồng sự kiện rẽ nhánh: Không | |
| Tiền điều kiện: Không  Hậu điều kiện : Không | |

* ***Ca sử dụng ôn tập***

|  |  |
| --- | --- |
| Tên ca sử dụng: **ôn tập** | ID: 4 |
| Tác nhân: Học viên | |
| Mục đích: Cho phép học viên ôn tập những từ đã học giúp học viên nhớ từ vựng nhanh hơn | |
| Luồng sự kiện chính:   1. Học viên truy cập hệ thống và chọn chức năng ôn tập 2. Hệ thống hiển thị ngẫu nhiên một từ bất kì , 3. Học viên nhập nghĩa vào ô trống và gửi đi 4. Hệ thống kiểm tra nếu nghĩa của từ đúng thì tiếp tục sang từ tiếp theo , nếu sai thì yêu cầu người dụng nhập lại | |
| Luồng sự kiện rẽ nhánh: Không | |
| Tiền điều kiện: Học viện chọn chức năng ôn tập và chủ đề ôn tập | |
| Hậu điều kiện: Không | |

* ***Ca sử dụng kiểm tra***

|  |  |
| --- | --- |
| Tên ca sử dụng: **kiểm tra** | ID: 5 |
| Tác nhân: Học viên | |
| Mục đích: Cho phép học viên kiểm tra bản thân đã học được những từ nào | |
| Luồng sự kiện chính:   1. Học viên truy cập hệ thống và chọn chức năng kiểm tra 2. Hệ thống hiển thị những từ mà học viên đã học , 3. Học viên nhập nghĩa vào ô trống và gửi đi 4. Hệ thống kiểm tra tổng hợp số câu đúng và câu sai học viên có thể xem lại kết quả của mình. | |
| Luồng sự kiện rẽ nhánh: Không | |
| Tiền điều kiện: Không | |
| Hậu điều kiện: Không | |

* ***Ca sử dụng quản lý thêm từ***

|  |  |
| --- | --- |
| Tên ca sử dụng: **thêm từ** | ID: 6 |
| Tác nhân: Admin | |
| Mục đích: Mô tả cách mà admin thêm từ mới vào hệ thống | |
| Luồng sự kiện chính:   1. Sau khi đăng nhập thành công admin có thể thực hiện các chức năng. 2. Ca sử dụng bắt đầu khi admin lựa chọn chức năng thêm từ mới 3. Hệ thống yêu cầu quản trị hệ thống thêm từ 4. Quản trị hệ thống nhập từ mới và nghĩa của từ. 5. Hệ thống hiển thị thông tin quản trị hệ thống vừa nhập vào. 6. Admin xác nhận thêm từ mới . 7. Hệ thống sẽ thêm từ mới vào danh sách từ | |
| Luồng sự kiện rẽ nhánh: Không | |
| Tiền điều kiện: Admin đã đăng nhập thành công vào hệ thống. | |
| Hậu điều kiện:   * Nếu thông báo thêm thành công thì từ mới đã được thêm thành công. | |

* ***Ca sử dụng quản lý xóa từ***

|  |  |
| --- | --- |
| Tên ca sử dụng: **xóa từ** | ID: 7 |
| Tác nhân: Admin | |
| Mục đích: Mô tả cách mà admin xóa từ trong danh sách từ | |
| Luồng sự kiện chính:   1. Sau khi đăng nhập thành công quản trị hệ thống có thể thực hiện các chức năng. 2. Ca sử dụng bắt đầu khi admin lựa chọn chức năng xóa từ. 3. Hệ thống yêu cầu admin chọn từ cần xóa 4. Admin chọn từ muốn xóa 5. Hệ thống kiểm tra từ mà admin chọn có trong danh sách từ hay không, nếu không thì thực hiện luồng A1. 6. Admin xác nhận xóa từ 7. Hệ thống sẽ xóa từ khỏi danh sách từ | |
| Luồng sự kiện rẽ nhánh:  Luồng A1 : từ vào không tồn tại   * Hệ thống hiển thị thông báo cho quản trị biết, quản trị có thể nhập lại thông tin hoặc ấn nút “Thoát ” để hủy bỏ việc xóa. | |
| Tiền điều kiện: Người quản trị hệ thống đã đăng nhập thành công vào hệ thống. | |
| Hậu điều kiện:   * Nếu thông báo xóa thành công thì từ đã được xóa khỏi danh sách từ. | |